

Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ nước ta gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển Trái Đất. Đó là một quá trình rất lâu dài và phức tạp. Có thể chia làm 3 giai đoạn chính :

- Giai đoạn Tiền Cambri.
- Giai đoạn Cổ kiến tạo.
- Giai đoạn Tân kiến tạo.

Mỗi giai đoạn đều đánh dấu bước phát triển mới của lãnh thổ nước ta.

1. Giai đoạn Tiền Cambri

Căn cứ vào bảng Niên biểu địa chất, hãy cho biết trước đại Cổ sinh là các đại nào. Chúng kéo dài và cách đây khoảng bao nhiêu năm ?

Các nghiên cứu địa chất mới nhất đã xác định Trái Đất được hình thành từ cách đây khoảng 4,6 tỉ năm. Phần lớn thời gian của lịch sử Trái Đất thuộc hai đại : Thái cổ (Aekêôzôi) kết thúc cách đây khoảng 2,5 tỉ năm và tiếp theo là Nguyên sinh (Prôtêrôzôi) kết thúc cách đây 542 triệu năm. Ở giai đoạn này, lớp vỏ Trái Đất chưa được định hình rõ ràng và có rất nhiều biến động. Những dấu vết của nó hiện nay lộ ra trên mặt đất không nhiều mà phần lớn chìm ngập dưới các lớp đất đá nên còn ít được nghiên cứu. Giai đoạn sơ khai này của lịch sử Trái Đất còn được gọi là giai đoạn Tiền Cambri.

Ở Việt Nam, giai đoạn Tiền Cambri được xem là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ với những đặc điểm sau :

a) Là giai đoạn cổ nhất và kéo dài nhất trong lịch sử phát triển lãnh thổ Việt Nam

Các đá biến chất cổ nhất ở nước ta được phát hiện ở Kon Tum, Hoàng Liên Sơn có tuổi cách đây khoảng 2,5 tỉ năm ; như vậy, giai đoạn Tiền Cambri diễn ra ở nước ta trong suốt thời gian khoảng 2 tỉ năm và kết thúc cách đây 542 triệu năm.

b) Chỉ diễn ra trong một phạm vi hẹp trên phần lãnh thổ nước ta hiện nay

Giai đoạn này diễn ra chủ yếu ở một số nơi, tập trung ở khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn và Trung Trung Bộ.

c) Các điều kiện cổ địa lí còn rất sơ khai và đơn điệu

Cùng với sự xuất hiện thạch quyển, lớp khí quyển ban đầu còn rất mỏng gồm chủ yếu là các chất khí amôniac, điôxit cacbon, nitơ, hiđrô và về sau là ôxi. Khi nhiệt độ không khí thấp dần, thủy quyển mới xuất hiện với sự tích tụ của lớp nước trên bề mặt Trái Đất. Từ đó, sự sống xuất hiện. Tuy vậy, các sinh vật trong giai đoạn này còn ở dạng sơ khai nguyên thủy như tảo, động vật thân mềm.

Bài đọc thêm

Khi nghiên cứu địa chất hoặc lịch sử phát triển lãnh thổ tự nhiên của một quốc gia, một khu vực trên thế giới, rất cần thiết phải có sự thống nhất về quan niệm và thước đo thời gian.

Bảng Niên biểu địa chất là bảng xác định các đơn vị thời gian và đơn vị địa tầng trong lịch sử phát triển của Trái Đất, đã được các nhà địa chất trên thế giới thừa nhận và thống nhất sử dụng rộng rãi.

Bảng Niên biểu địa chất gồm các cột dọc trình bày các đơn vị thời gian (Đại, Kì, Thế), các đơn vị địa tầng (Giới, Hệ, Thống), thời gian các đơn vị ấy xảy ra cách đây và số thời gian thực tế đã diễn ra ; các hàng ngang trình bày thời gian của các Đại ứng với các Giới, các Kì ứng với các Hệ, các Thế ứng với các Thống cùng các tên gọi và kí hiệu cụ thể.

Đa số các Kì (Hệ) mang tên địa phương nơi mà lần đầu tiên trầm tích được phát hiện và mô tả. Tên các Kì (Hệ) thuộc đại Tân sinh phản ánh sự tiến hoá của thế giới hữu cơ, trong đó có thống Hôloxen với sự xuất hiện của loài người.

Riêng trong đại Tân sinh, hai kì Palêôgen và Nêôgen còn có tên chung là kì Đệ tam.

Sử dụng bảng Niên biểu địa chất sẽ giúp cho việc tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ nước ta được cụ thể và thuận lợi hơn.

Bảng Niên biểu địa chất

Đại (Giới)	Kì (Hệ)	Thế (Thống)	Kí hiệu	Thời gian cách đây (triệu năm)	Thời gian đã diễn ra (triệu năm)
Tân sinh (Kainôzôi) KZ	Đệ tứ (Q)	– Hôlôxen	Q ₄	1,8	
		– Plêixtôxen muộn (trên)	Q ₃		
		– Plêixtôxen giữa	Q ₂		
– Plêixtôxen sớm (dưới)		Q ₁			
Nêôgen (N)	– Pliôxen	N ₂	23	21,2	
	– Miôxen	N ₁			
	Palêôgen (Pg)	– Ôligôxen	Pg ₃	65	42
– Êôxen		Pg ₂			
– Palêôxen		Pg ₁			
Trung sinh (Mêzôzôi) MZ	Krêta (K)	– Krêta muộn (trên)	K ₂	145	80
		– Krêta sớm (dưới)	K ₁		
	Jura (J)	– Jura muộn (trên)	J ₃	200	55
– Jura giữa		J ₂			
– Jura sớm (dưới)	J ₁				
Triat (T)	– Triat muộn (trên)	T ₃	250	50	
	– Triat giữa	T ₂			
	– Triat sớm (dưới)	T ₁			
Cổ sinh (Palêôzôi) PZ	Pecmi (P)	– Pecmi muộn (trên)	P ₂	300	50
		– Pecmi sớm (dưới)	P ₁		
	Cacbon (C)	– Cacbon muộn (trên)	C ₃	360	60
		– Cacbon giữa	C ₂		
– Cacbon sớm (dưới)		C ₁			
Đêvôn (D)	– Đêvôn muộn (trên)	D ₃	416	56	
	– Đêvôn giữa	D ₂			
	– Đêvôn sớm (dưới)	D ₁			
Silua (S)	– Silua muộn (trên)	S ₂	444	28	
	– Silua sớm (dưới)	S ₁			

	Ocdôvic (O)	– Ocdôvic muộn (trên) – Ocdôvic giữa – Ocdôvic sớm (dưới)	O ₃ O ₂ O ₁	488	44
	Cambri (Є)	– Cambri muộn (trên) – Cambri giữa – Cambri sớm (dưới)	Є ₃ Є ₂ Є ₁	542	54
Nguyên sinh (Prôtêrôzôi) PR				Khoảng 2500	Khoảng 2000
Thái cổ (Ackêôzôi) AR				Khoảng 3500	Khoảng 1500

Câu hỏi và bài tập

1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trái Đất đã trải qua bao nhiêu giai đoạn ? Đó là những giai đoạn nào ?
2. Vì sao nói giai đoạn Tiền Cambri là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ Việt Nam ?
3. Giai đoạn Tiền Cambri ở nước ta có những đặc điểm gì ?

